

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1811** /UBND-KT

Quảng Ngãi, ngày **23** tháng 4 năm 2020

V/v phân bổ nguồn vốn nước ngoài (vốn viện trợ kinh phí sự nghiệp) Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2020 đối với Sở Nông nghiệp và PTNT

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 17 về việc dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2020, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 13/12/2019, trong đó giao vốn nước ngoài từ nguồn kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu vốn sự nghiệp là 11.520 triệu đồng (Biểu mẫu số 5a). Ngày 17/12/2019, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Công văn số 15348/BTC-QLN về việc tách số giao dự toán nguồn vốn vay và viện trợ kinh phí sự nghiệp tại Quyết định số 2503/QĐ-BTC ngày 29/11/2019. Theo đó, nguồn vốn nước ngoài 11.520 triệu đồng được tách thành vốn vay là 2.860 triệu đồng và vốn viện trợ là 8.660 triệu đồng, thực hiện ghi thu ghi chi trong phạm vi dự toán được giao.

Trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 960/STC-HCSN&DN ngày 16/4/2020, UBND tỉnh thống nhất và đề nghị Thường trực HĐND tỉnh có ý kiến việc phân khai nguồn vốn viện trợ 8.660 triệu đồng cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện Kế hoạch năm 2020 - Dự án "Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi khí hậu cho các cộng đồng dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam" tỉnh Quảng Ngãi (đã được phê duyệt tại Quyết định số 1816/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 Chủ tịch UBND tỉnh), (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Đề nghị Thường trực HĐND tỉnh xem xét, có ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- VPUB: C, PCVP(KT), NN, CBTH;
- Lưu: VT, KT việt140



CHỦ TỊCH

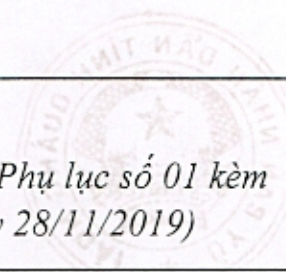
Trần Ngọc Căng



Phụ lục

(Kèm theo Công văn số 1811 /UBND-KT ngày 23 /4/2020 của UBND tỉnh)

Số TT	Nội dung (Thực hiện Kế hoạch hoạt động năm 2020 tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định số 1816/QĐ-UBND ngày 28/11/2019)	Kinh phí (triệu đồng)
(1)	(2)	(3)
I	Kết quả 1: Những tính năng thiết kế chống chịu bão lụt được đưa vào 4.000 nhà mới xây tại các địa điểm an toàn, hỗ trợ 20.000 người nghèo và chịu ảnh hưởng thiên tai	5.793
	Hoạt động 1.1. Tài trợ chi phí để bổ sung các tính năng chống chịu bão lụt cho 4.000 ngôi nhà	5.793
	Đầu ra 1.1.4: Hỗ trợ kinh phí để bổ sung các tính năng an toàn cho các ngôi nhà:	5.793
1	Hỗ trợ kinh phí cho 140 hộ nghèo năm 2020 xây dựng nhà chống bão lụt thuộc đối tượng chính sách theo QĐ 48/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	5.522
2	Hỗ trợ xăng xe cho địa phương đi kiểm tra, giám sát, đánh giá	35
3	Hội họp, kiểm tra, giám sát	25
4	Lễ bàn giao nhà mới cho huyện: Tư Nghĩa và Mộ Đức	40
5	Thi công và gắn các Bảng tên cho 683 ngôi nhà được hỗ trợ từ dự án; Hoạt động truyền thông: in danh sách hộ dân được hỗ trợ nhà dán tại Hội trường thôn, xã	171
II	Kết quả 2. Hỗ trợ, bổ sung, phục hồi, nâng cao chất lượng rừng và trồng mới một phần đối với 4.000 ha rừng ngập mặn ven biển, để nâng cao chức năng phòng hộ chắn sóng, tác động của triều cường và nước biển dâng, chủ yếu ứng dụng các kinh nghiệm và kỹ thuật đã thực hiện thành công trong nước	2.119
	Hoạt động 2.1. Tái sinh hay trồng lại 4.000 ha rừng ngập mặn vùng ven biển dễ bị tổn thương bởi BĐKH:	2.119
1	Đầu ra 2.1.5: Đối với vùng nuôi trồng thủy sản đặt ra mối đe dọa cho rừng ngập mặn, hỗ trợ trong việc thiết kế và di dời các ao, cung cấp hỗ trợ sinh kế tạm thời hỗ trợ khi cần thiết	938
1.1	Thực hiện mô hình nuôi cua Xanh thương phẩm kế hoạch năm 2019 chuyển tiếp sang năm 2020	339



Số TT	Nội dung <i>(Thực hiện Kế hoạch hoạt động năm 2020 tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định số 1816/QĐ-UBND ngày 28/11/2019)</i>	Kinh phí (triệu đồng)
(1)	(2)	(3)
1.2	Hỗ trợ thêm cho các hộ dân bị ảnh hưởng hoạt động rừng hưởng lợi mô hình sinh kế tại xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn và xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa	449
1.3	Thanh toán lần cuối Mô hình nuôi Vịt biển 15- Đại Xuyên tại xã Bình Thuận (Thanh toán 30% khối lượng còn lại)	151
2	Đầu ra 2.1.7: 'Bắt đầu với 2-3 địa điểm, phục hồi rừng ngập mặn sử dụng cây giống sản xuất tại địa phương và lắp đặt cơ sở hạ tầng khi cần thiết để bảo vệ cây (hỗ trợ tre có nguồn từ địa phương hoặc hàng rào), lôi cuốn sự tham gia các cộng đồng trong nhân giống (vườn ươm) và trồng đến mức có thể	1.181
2.1	Trồng rừng: trồng mới, khoanh nuôi có trồng bổ sung, quản lý bảo vệ rừng:	800
a	Trồng mới rừng (chuyển kế hoạch 2019 sang 2020 và thiết kế mới kế hoạch 2020)	649
b	Chăm sóc rừng trồng năm thứ 1	54
c	Chăm sóc rừng khoanh nuôi trồng bổ sung	54
d	Quản lý bảo vệ rừng	43
2.2	Các hoạt động hỗ trợ mục 2.1.5 và 2.1.7:	381
a	Tư vấn Giám sát các hoạt động trồng rừng	15
b	Giám sát các bon	40
c	Xây dựng bảng tin tuyên truyền	75
d	Xây dựng mô hình quản lý rừng dựa vào cộng đồng	85
đ	Tham quan mô hình rừng ngập mặn	36
e	Truyền thông	20
g	Hội họp, kiểm tra, nghiệm thu, giám sát các hoạt độ trồng rừng	110
III	Chi phí quản lý dự án	748
1	Nhân viên	743
2	Chi phí chung khác	5
	TỔNG CỘNG (I)+(II)+(III)	8.660